

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chương trình Đối tác Tư pháp

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 08 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định 131/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 3905/VPCP-QHQT ngày 10 tháng 06 năm 2009 về việc Cơ quan chủ trì, điều hành Chương trình hợp tác Tư pháp giai đoạn 2010-2015 do Đan Mạch, Thụy Điển, EC đồng tài trợ; Công văn số 1604/TTg-QHQT ngày 09 tháng 09 năm 2009 về việc phê duyệt nội dung văn kiện và Thoả thuận chung về tài chính thực hiện Chương trình Đối tác Tư pháp, giai đoạn 2010-2015 và Công văn số 406/TTg-QHQT ngày 10 tháng 03 năm 2010 về việc phê duyệt Hiệp định Tài chính với EU về Chương trình Đối tác Tư pháp giai đoạn 2010-2015;

Căn cứ Thông tư 219/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/ chương trình sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Đối tác Tư pháp với những nội dung chính như sau:

- 1. Tên Chương trình:** Chương trình Đối tác Tư pháp (Justice Partnership Programme).
- 2. Cơ quan chủ quản:** Bộ Tư pháp.
- 3. Nhà tài trợ:** Chính phủ Đan Mạch, Chính phủ Thụy Điển, Liên minh Châu Âu.
- 4. Cơ quan trực tiếp thực hiện**

- Hợp phần 1: Bộ Tư pháp, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Hợp phần 2: Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Hợp phần 3: Quỹ Hỗ trợ các Sáng kiến Tư pháp do Đại diện Bộ Tư pháp làm Trưởng Ban chỉ đạo.

5. Hình thức quản lý dự án: Cơ quan chủ quản Chương trình Đối tác Tư pháp, Ban chỉ đạo của từng cơ quan phối hợp với Nhà tài trợ quản lý Chương trình Đối tác Tư pháp theo Văn kiện Chương trình Đối tác Tư pháp, Thỏa thuận chung về tài chính giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Chính phủ Vương quốc Đan Mạch và Chính phủ Vương quốc Thụy Điển về Chương trình Đối tác Tư pháp giai đoạn 2010 – 2015 ký kết ngày 16 tháng 9 năm 2009, Hiệp định Tài chính về Chương trình Đối tác Tư pháp giữa Chính phủ Việt Nam và Liên minh Châu Âu ngày 23 tháng 6 năm 2010, Nghị định 131/2006/NĐ-CP của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và Nghị định 78/2008/NĐ-CP về Quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật.

6. Mục tiêu của Chương trình Đối tác Tư pháp

6.1 Mục tiêu chung: Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ và bảo vệ công lý.

6.2 Mục tiêu cụ thể:

- Tăng cường năng lực các cơ quan tư pháp trong quá trình thực hiện cải cách tư pháp;
- Hỗ trợ nâng cao vai trò tự quản của Liên đoàn Luật sư Việt Nam;
- Tăng cường năng lực của các tổ chức phi Chính phủ nhằm góp phần nâng cao nhận thức về các quyền cơ bản, tiếp cận công lý và cải cách tư pháp.

7. Địa điểm thực hiện Chương trình Đối tác Tư pháp: Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong cả nước.

8. Tổng mức đầu tư của Chương trình Đối tác Tư pháp

	Tiền Euro (1)	Tiền Việt Nam (2) = (1)* tỷ giá
Nguồn ODA không hoàn lại của Chính phủ Đan Mạch, Chính phủ Thụy Điển và Liên minh Châu Âu:	18.700.000	467.500.000.000 VNĐ
Nguồn vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam	1.424.800	35.620.000.000 VNĐ
Tổng cộng:	20.124.800	503.120.000.000 VNĐ

Trong đó:

	Nguồn ODA không hoàn lại (Euro)	Nguồn vốn đối ứng (Euro)
Hợp phần 1:	10.100.000	1.424.800
- Tòa án nhân dân tối cao	1.000.000	
- Viện kiểm sát tối cao	1.400.000	
- Bộ Tư pháp	1.400.000	
- Hội nghị Cải cách Tư pháp	500.000	
- Hỗ trợ kỹ thuật ngắn hạn	2.900.000	
- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật thường trực	2.900.000	
Hợp phần 2:	2.800.000	
Hợp phần 3:	3.000.000	
Đánh giá tổng kết	600.000	
Kiểm toán, nghiên cứu, đánh giá, tư vấn tiến độ, ...	1.300.000	
Thông tin liên lạc và các hoạt động có thể dự kiến được của Chương trình	200.000	
Đánh giá cuối cùng	200.000	
Ngân sách dự phòng	500.000	
Tổng cộng:	18.700.000	1.424.800

(Tỷ giá: 1 Euro = 25.000 VNĐ; 1 USD = 17.810 VNĐ)

9. Thời gian thực hiện Chương trình Đối tác Tư pháp: 66 tháng, từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2015.

Điều 2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế Bộ Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức tham gia Chương trình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Ngô*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Tài chính (để báo cáo);
- TANDTC, VKSNDTC, Liên đoàn Luật sư Việt Nam (để phối hợp, thực hiện);
- Lưu: VT, HTQT (Th.20).

BỘ TRƯỞNG



Hà Hùng Cường